

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**  
cho kỳ kế toán từ ngày ngày 01 tháng 01 năm 2017  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

*kèm theo*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

---

*Được soát xét bởi:*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3517 1936

Fax: (028) 3517 1935

*Tháng 08 năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3911 5797 Fax: (028) 3911 5798

---

<b>MỤC LỤC</b>	<i>Trang</i>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN</b>	04 - 06
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
<i>Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	07 - 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	11 - 12
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	13 - 14
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	15
<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	16 - 48

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM  
Điện thoại: (028) 3911 5797 Fax: (028) 3911 5798

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

### CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các giấy phép điều chỉnh sau này.
Vốn điều lệ:	250.000.000.000 đồng Việt Nam.
Hoạt động chính trong năm:	Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán.
Trụ sở chính:	Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Hà Nội:	Tầng 23, tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Công Minh	Chủ tịch	04/06/2013
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Chủ tịch	04/06/2013
Ông Nguyễn Văn Huynh	Thành viên	04/06/2013
Ông Lâm Việt Sơn	Thành viên	04/06/2013

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Tổng Giám đốc	18/06/2013
Ông Huỳnh Văn Phát	Phó Tổng Giám đốc	28/10/2015

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM  
Điện thoại: (028) 3911 5797 Fax: (028) 3911 5798

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

##### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Phương Thanh	Trưởng ban	04/06/2013
Bà Trần Thị Hồng	Thành viên	04/06/2013
Ông Trần Trung	Thành viên	04/06/2013

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Bích Hồng.

Ông Huỳnh Văn Phát được Bà Nguyễn Thị Bích Hồng ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo theo Giấy Ủy quyền số 03/2017/UQ-LVS ngày 01 tháng 08 năm 2017.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI) đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Địa chỉ: Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM  
Điện thoại: (028) 3911 5797 Fax: (028) 3911 5798

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Huỳnh Văn Phát**  
**Phó Tổng Giám đốc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017*



Số tham chiếu: 17-2-0027/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt ("Công ty") được lập ngày 11 tháng 08 năm 2017 bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 48.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Công ty có khoản đầu tư cổ phiếu “Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng” (Cotec Group) trị giá 32.500.000.000 đồng và cổ phiếu “Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco” (Coecco) trị giá 2.880.000.000 đồng. Số tiền này đang được ghi nhận là tài sản tài chính sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và chưa được trích lập dự phòng do không có giá tham chiếu đáng tin cậy (xem Thuyết minh số 7 Bản thuyết minh báo cáo tài chính). Chúng tôi cũng không thể thu thập được các tài liệu hay thông tin để có thể xác định được giá trị cần trích lập dự phòng của khoản đầu tư này do vậy không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc này tới Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

Chúng tôi lưu ý đến người đọc đến Thuyết minh số 40 Bản thuyết minh báo cáo tài chính khoản đầu tư cổ phiếu “Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng” (Cotec Group). Cổ phiếu Cotec Group có liên quan đến vụ kiện ông Hoàng Xuân Quyền (nguyên Tổng Giám đốc Công ty) về việc ông Quyền đã vượt thẩm quyền khi ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên. Tổng số tiền ông Quyền và các cá nhân có liên quan phải trả cho Công ty là 32.500.000.000 đồng và tiền lãi ước tính là 8.158.381.944 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Quyền và các cá nhân có liên quan đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, Công ty đã tiến hành bán đấu giá khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thiệt hại. Theo thông báo của Công ty Cổ phần Bán Đấu Giá Nhân Văn, phiên bán đấu giá tài sản thứ 9 vào ngày 10 tháng 09 năm 2014 đã không thành công. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa phát sinh thêm phiên bán đấu giá nào nữa. Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và ra bản án số 69/2015/HSST cùng ngày với nội dung như sau: “buộc ông Hoàng Xuân Quyền bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khắc phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty”. Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyền. Ngày 03 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án và đã ra bản án số 573/2016/HSPT với nội dung: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 69/2015/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét, chưa có thông tin về việc giải quyết lại vụ án theo bản án của tòa phúc thẩm. Do vụ việc vẫn đang trong quá trình xét xử và chưa có quyết định cuối cùng từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan nên chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng có liên quan đến kết quả kinh doanh của Công ty chưa được ghi nhận (nếu có).

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1 Bản thuyết minh báo cáo tài chính về việc Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 cho các khoản mục tài sản và nợ phải trả do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh này.

Báo cáo soát xét được lập thành 09 (chín) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt giữ 08 (tám) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh giữ 01 (một) bản.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh**



**Nguyễn Ngọc Tinh – Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017*



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối kỳ VND</b>	<b>Đầu kỳ VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>227.663.553.532</b>	<b>209.693.949.077</b>
<i>Tài sản tài chính</i>	<i>110</i>		<i>225.425.408.376</i>	<i>207.323.575.571</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	54.775.100.072	66.425.356.753
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>6.775.100.072</i>	<i>10.075.356.753</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>48.000.000.000</i>	<i>56.350.000.000</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	5a	11.254.108.310	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	5a	119.590.000.000	102.950.000.000
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	5a	32.500.000.000	32.500.000.000
Các khoản phải thu	117		10.857.666.109	8.937.251.313
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>117.1</i>		<i>-</i>	<i>1.802.120.758</i>
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</i>	<i>117.2</i>	5b	<i>3.944.819.444</i>	<i>3.944.819.444</i>
<i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	<i>117.3</i>	5c	<i>6.912.846.665</i>	<i>3.190.311.111</i>
Trả trước cho người bán	118		35.750.000	30.250.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	414.336.280	707.225.000
Các khoản phải thu khác	122	9	6.785.640.126	6.853.285.026
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	10	(10.787.192.521)	(11.079.792.521)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>2.238.145.156</b>	<b>2.370.373.506</b>
Tạm ứng	131	11	1.987.476.676	1.987.476.676
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	148.193.558	161.190.711
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	13	18.200.000	18.200.000
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		84.274.922	203.506.119

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.477.120.244</b>	<b>35.157.695.944</b>
<i>Tài sản tài chính dài hạn</i>	<i>210</i>		32.626.530.000	33.946.530.000
Các khoản đầu tư	212		32.626.530.000	33.946.530.000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>212.4</i>	<i>14</i>	<i>32.626.530.000</i>	<i>33.946.530.000</i>
<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>358.750.479</i>	<i>452.380.410</i>
Tài sản cố định hữu hình	221	15	358.750.479	452.380.410
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>6.189.260.090</i>	<i>6.189.260.090</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(5.830.509.611)</i>	<i>(5.736.879.680)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	16	-	-
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>15.069.690.564</i>	<i>15.069.690.564</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(15.069.690.564)</i>	<i>(15.069.690.564)</i>
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>250</i>		<i>491.839.765</i>	<i>758.785.534</i>
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	13	16.553.790	16.553.790
Chi phí trả trước dài hạn	252	12	46.331.383	313.293.652
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	17	428.954.592	428.938.092
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>261.140.673.776</b>	<b>244.851.645.021</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.321.766.735</b>	<b>8.700.512.613</b>
<i>Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>8.280.790.759</i>	<i>8.661.536.637</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	320		1.531.936	5.627.670
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	18	1.760.141.336	2.695.141.336
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	1.640.320.755	396.207.876
Phải trả người lao động	323		14.030.262	556.595.451
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	20	164.739.076	183.648.931
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	21	508.333.342	1.524.583.336
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	22	4.141.872.926	3.249.910.911
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		49.821.126	49.821.126
<i>Nợ phải trả dài hạn</i>	<i>340</i>		<i>40.975.976</i>	<i>38.975.976</i>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		40.975.976	38.975.976
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>252.818.907.041</b>	<b>236.151.132.408</b>
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>252.818.907.041</i>	<i>236.151.132.408</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	250.000.000.000	250.000.000.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>		<i>250.000.000.000</i>	<i>250.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>250.000.000.000</i>	<i>250.000.000.000</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		39.210.563	39.210.563
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		78.421.126	78.421.126
Lợi nhuận chưa phân phối	417		2.701.275.352	(13.966.499.281)
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>2.701.275.352</i>	<i>(13.966.499.281)</i>
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>261.140.673.776</b>	<b>244.851.645.021</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	24	25.000.000	25.000.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK	008			
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1	25	9.984.900.000	-
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	26	54.880.000.000	54.880.000.000
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		771.745.650.000	771.748.310.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3.433.440.000	3.436.100.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		48.452.120.000	48.452.120.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		553.738.540.000	553.738.540.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		166.121.550.000	166.121.550.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		10.000	10.000
Tiền gửi của khách hàng	026	27	16.644.933.703	16.945.433.377
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027		564.139.453	562.782.437
Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030		16.080.794.250	16.382.650.940
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		564.139.453	562.782.437
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		564.139.453	562.782.437
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		16.080.794.250	16.382.650.940



**Bùi Thị Nga**  
 Người lập biểu



**Trần Lan Hương**  
 Kế toán trưởng



**Huỳnh Văn Phát**  
 Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
 cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		7.734.820.310	-
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	28	7.734.820.310	-
Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	29	4.917.137.143	1.327.399.830
Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04	30	660.000.000	-
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		532.400.000	3.251.000.000
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	20.000.000
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		186.128.138	187.220.454
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		6.083.079.739	2.486.235.147
Thụ nhập hoạt động khác	11	31	1.395.592.466	569.928.894
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -&gt; 11)</b>	<b>20</b>		<b>21.509.157.796</b>	<b>7.841.784.325</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
Chi phí hoạt động tự doanh	26		182.275.603	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		110.066.779	300.754.986
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		190.502.679	207.312.720
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		1.028.707.813	648.598.142
Chi phí các dịch vụ khác	32		44.000	55.000
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -&gt; 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.511.596.874</b>	<b>1.156.720.848</b>
<b>DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		47.281.737	18.722.143
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -&gt; 44)</b>	<b>50</b>		<b>47.281.737</b>	<b>18.722.143</b>
<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CTCK</b>	<b>62</b>	<b>32</b>	<b>2.243.419.106</b>	<b>26.927.215.571</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-62)</b>	<b>70</b>		<b>17.801.423.553</b>	<b>(20.223.429.951)</b>
<b>THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
Thu nhập khác	71		25.694.444	-
Chi phí khác	72		-	-
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>25.694.444</b>	<b>-</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
<b>TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>17.827.117.997</b>	<b>(20.223.429.951)</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	91		17.827.117.997	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
<b>CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>1.159.343.364</b>	<b>-</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	33	1.159.343.364	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	33	-	-
<b>LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (200=90-100)</b>	<b>200</b>		<b>16.667.774.633</b>	<b>(20.223.429.951)</b>
<b>THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>		<b>16.667.774.633</b>	<b>(20.223.429.951)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	34	667	(1.618)



**Bùi Thị Nga**  
Người lập biểu



**Trần Lan Hương**  
Kế toán trưởng



**Huỳnh Văn Phát**  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(243.143.570.000)	-
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		225.086.402.758	15.000.000.000
Tiền lãi đã thu	05		1.320.959.276	730.032.601
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(1.285.668.387)	(40.000.000)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(2.196.689.319)	(2.215.589.892)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(1.360.796.116)	(1.006.232.304)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		27.245.345.843	13.589.965.925
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(19.296.240.736)	(2.009.764.686)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(13.630.256.681)</i>	<i>24.048.411.644</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		1.980.000.000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>1.980.000.000</i>	<i>-</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	98.750.000.000
Tiền vay gốc	33		2.496.365.077	-
<i>Tiền vay khác</i>	<i>33.2</i>		<i>2.496.365.077</i>	<i>-</i>
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.496.365.077)	-
<i>Tiền chi trả gốc vay khác</i>	<i>34.3</i>		<i>(2.496.365.077)</i>	<i>-</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>98.750.000.000</i>
<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(11.650.256.681)</b>	<b>122.798.411.644</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>				
Tiền	60	4	66.425.356.753	10.949.338.795
Tiền	61		10.075.356.753	1.243.110.439
Các khoản tương đương tiền	62		56.350.000.000	9.700.000.000

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
 (theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	4	54.775.100.072	133.747.750.439
Tiền	71		6.775.100.072	107.445.151.195
Các khoản tương đương tiền	72		48.000.000.000	26.300.000.000

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của KH	09		(187.467.061)	(188.357.811)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	34	258.344.940.392	288.798.315.404
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	34	(258.457.973.005)	(274.768.983.603)
<b>Tăng/(giảm) tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>(300.499.674)</b>	<b>13.840.973.990</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>16.945.433.377</b>	<b>3.064.336.500</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		562.782.437	560.414.765
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	32		562.782.437	560.414.765
<i>Tiền gửi của Tổ chức phát hành</i>	35		16.382.650.940	2.503.921.735
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40=20+30)</b>	<b>40</b>		<b>16.644.933.703</b>	<b>16.905.310.490</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		564.139.453	522.659.550
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	42		564.139.453	522.659.550
<i>Tiền gửi của Tổ chức phát hành</i>	45	35	16.080.794.250	16.382.650.940

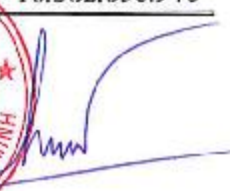


**Bùi Thị Nga**  
 Người lập biểu



**Trần Lan Hương**  
 Kế toán trưởng



  
**Huỳnh Văn Phát**  
 Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**  
 Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tấn Tó, Phường 22, Quận Bình Thạnh,  
 Tp.HCM  
 Điện thoại: (028) 3911 5797 Fax: (028) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán  
 từ ngày 01 tháng 01 năm 2017  
 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)		Số cuối kỳ	
	Kỳ trước	Kỳ này	Tăng	(Giảm)	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND	VND	(Giảm)	VND	VND
<b>I Biến động Vốn chủ sở hữu</b>						
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.000.000.000	250.000.000.000	98.750.000.000	-	223.750.000.000	250.000.000.000
<i>Cổ phiếu, trái thông có quyền biểu</i>	125.000.000.000	250.000.000.000	-	-	125.000.000.000	250.000.000.000
<i>Vốn bổ đề</i>	-	-	98.750.000.000	-	98.750.000.000	-
3 Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	39.210.563	39.210.563	-	-	39.210.563	39.210.563
4 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro	78.421.126	78.421.126	-	-	78.421.126	78.421.126
5 Lợi nhuận chưa phân phối	(17.818.053.488)	(13.966.499.281)	-	20.223.429.951	(38.041.483.439)	2.701.275.352
<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	(17.818.053.488)	(13.966.499.281)	-	20.223.429.951	(38.041.483.439)	2.701.275.352
<b>Cộng</b>	<b>107.299.578.201</b>	<b>236.151.132.408</b>	<b>98.750.000.000</b>	<b>20.223.429.951</b>	<b>185.826.148.250</b>	<b>252.818.907.041</b>

  
**Bùi Thị Nga**  
 Người lập biểu  
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017

  
**Trần Lan Hương**  
 Kế toán trưởng

  
**Huyền Văn Phát**  
 Phó Tổng Giám đốc

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

***Thành lập***

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009;
- Quyết định số 304/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;
- Quyết định số 316/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 04 năm 2010 về việc đổi tên Công ty;
- Quyết định số 309/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 325/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 05 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định 621/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 367/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 185/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 622/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 581/2013/SGDHCM-TV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Công văn số 487/SGDHN-QLTV ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 07 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 33/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Quyết định số 462/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh;
- Quyết định số 08/2013/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Quyết định số 464/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 112/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 09 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 08 năm 2013;
- Quyết định số 30/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 23 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 07 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty.
- Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2016 về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Quyết định số 1243/QĐ - UBCK ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Trụ sở chính tại Lầu 2, tòa nhà Him Lam, số 234 Ngô Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 23, Tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

***Điều lệ hoạt động***

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2009 và sửa đổi bổ sung ngày 25 tháng 07 năm 2016.

***Quy mô vốn***

Vốn cổ phần của Công ty là 250.000.000.000 đồng.

***Mục tiêu hoạt động:*** Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầu tư chứng khoán; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến lĩnh vực chứng khoán; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước; tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.

***Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:*** Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán.

***Hạn chế đầu tư***

Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 “Hạn chế đầu tư” Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn thành lập công ty chứng khoán và Khoản 14, Điều 1 Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Một số nội dung hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

**Đầu tư bất động sản, tài sản cố định**

Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty. Giá trị còn lại của bất động sản và tài sản cố định được đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty.

**Đầu tư trái phiếu**

Công ty đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

***Hạn chế đầu tư (tiếp theo)***

**Đầu tư tài chính**

Công ty không được đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh, cụ thể:

Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty khác có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, ngoại trừ đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.

***Nhân viên***

Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 21 người, trong đó có 17 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán (31 tháng 12 năm 2016 là 25 người, trong đó có 17 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán).

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ**

***Kỳ kế toán***

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12 tháng 02 năm 2009 (ngày được cấp Giấy phép hoạt động) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

***Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán***

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

***Hình thức kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 334/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi chính sách kế toán**

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật kế toán mới”). Luật kế toán mới bổ sung thêm quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Luật kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Công ty chưa áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với các báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý, phương pháp kế toán ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả.

**3.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính**

**Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS**

Tài sản tài chính (TSTC) được phân loại thành các loại sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày phát sinh.

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

TSTC được phân loại theo FVTPL khi TSTC đó được nắm giữ để mua bán và được ghi nhận theo FVTPL tại ghi nhận ban đầu. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là chứng khoán giao dịch, trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa rủi ro.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

***Nguyên tắc phân loại FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu, AFS (tiếp theo)***

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là TSTC không phải sinh với việc thanh toán là cố định hay xác định được và ngày đáo hạn là cố định mà Công ty đã có ý định tích cực và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

**Cho vay và phải thu**

TSTC không phải sinh với việc hoàn trả lại là cố định hay xác định được mà không được yết giá trên một thị trường hoạt động được phân loại là khoản cho vay và phải thu.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

TSTC không phải sinh mà không được phân loại là HTM, nắm giữ để mua bán; được chỉ định là theo FVTPL; hoặc cho vay và phải thu thì được phân loại là AFS.

***Nguyên tắc phân loại nợ tài chính***

Nợ tài chính được phân loại là nợ tài chính theo FVTPL hoặc nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

**Nợ tài chính theo FVTPL**

Nợ tài chính theo FVTPL bao gồm một khoản nợ tài chính nắm giữ để mua bán và một khoản nợ tài chính được chỉ định là theo FVTPL. Tất cả công cụ phái sinh bao gồm phái sinh đi kèm tách biệt với hợp đồng chủ được phân loại là nợ tài chính nắm giữ để mua bán trừ khi chúng được chỉ định và là công cụ phòng ngừa hiệu quả. Tiêu chí để chỉ định nợ tài chính theo FVTPL trên ghi nhận ban đầu giống với các tiêu chí tài sản tài chính theo FVTPL.

**Nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ**

Các khoản nợ tài chính mà không được phân theo FVTPL thì được phân loại là nợ tài chính xác định theo chi phí phân bổ.

***Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường)***

Giá thị trường làm căn cứ đánh giá lại được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày đánh giá lại. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS), nợ tài chính (tiếp theo)**

*Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) (tiếp theo)*

Chênh lệch tăng/giảm giữa giá trị tài sản tài chính và giá trị đánh giá lại được hoàn nhập/lập dự phòng. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, Công ty đánh giá tổn thất có khả năng xảy ra do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay và sẽ trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí hoạt động trong kỳ.

**Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính**

Công ty dừng ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền nhận được luồng tiền từ tài sản tài chính hết hạn hoặc khi chuyển giao tài sản tài chính cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho người nhận tài sản tài chính. Nếu Công ty không chuyển giao cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó và tiếp tục kiểm soát tài sản đã chuyển giao, Công ty ghi nhận lợi ích còn lại của tài sản đó và các khoản công nợ liên quan đến việc kiểm soát tài sản. Công ty dừng ghi nhận nợ tài chính khi, và chỉ khi, nghĩa vụ của Công ty đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

**3.4 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	7 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 - 5 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

***Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu về các tài sản tài chính***

Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty được theo dõi trên chỉ tiêu "Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

***Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên hoặc không có khả năng thu hồi.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

**3.6 Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.7 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu**

***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<i>Các quỹ</i>	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	10%	25% vốn điều lệ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.8 Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.9 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**3.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)**

**Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.11 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày về tài sản và nợ phải trả của khách hàng**

Công ty quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức khách hàng của Công ty mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do Công ty lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán. Tài sản và nợ phải trả của khách hàng được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty (ngoại bảng).

**3.12 Quản trị về rủi ro tài chính**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

**i. Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

**ii. Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.12 Quản trị về rủi ro tài chính (tiếp theo)**

Rủi ro thị trường

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**3.13 Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<i>Tiền</i>	<i>6.775.100.072</i>	<i>10.075.356.753</i>
Tiền mặt tại quỹ	2.509.047	3.615.948
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	6.772.591.025	10.071.740.805
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>48.000.000.000</i>	<i>56.350.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	48.000.000.000	56.350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.775.100.072</b>	<b>66.425.356.753</b>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1-3 tháng, lãi suất từ 4,4% /năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**5. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

- a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị đánh giá lại	Giá trị ghi sổ	Giá trị đánh giá lại
	VND	VND	VND	VND
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11.254.108.310	13.779.162.000	-	-
Cổ phiếu niêm yết - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	11.254.108.310	13.779.162.000	-	-
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	119.590.000.000	102.950.000.000	102.950.000.000	102.950.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn cố định (trên 3 tháng)	119.590.000.000	102.950.000.000	102.950.000.000	102.950.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết - Cotec	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000

- b. Phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các tài sản tài chính

Là khoản dự thu lãi Repo – hợp đồng Cotec; khoản dự thu này đã được lập dự phòng 100% (xem thuyết minh số 10).

- c. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận

Là khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tất Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3911 5797

Fax: (028) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán  
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**6. BẢNG TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

Mã số	Các loại tài sản tài chính	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này		CL đánh giá kỳ này		Giá trị đánh giá lại		Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước		CL đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại	
		VND	VND	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	VND	VND	VND	VND	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	VND	VND
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)		
I	FVTPL	11.254.108.310	13.779.162.000	2.525.053.690	-	13.779.162.000	-	-	-	-	-	-	-
	Cổ phiếu niêm yết	11.254.108.310	13.779.162.000	2.525.053.690	-	13.779.162.000	-	-	-	-	-	-	-
	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	11.254.108.310	13.779.162.000	2.525.053.690	-	13.779.162.000	-	-	-	-	-	-	-
II	HTM	119.590.000.000	119.590.000.000	-	-	119.590.000.000	-	102.950.000.000	-	-	-	-	-
I	Tiền gửi có kỳ hạn	119.590.000.000	119.590.000.000	-	-	119.590.000.000	-	102.950.000.000	-	-	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu	10.857.666.109	10.857.666.109	-	-	10.857.666.109	-	8.937.251.313	-	-	-	-	-
I	Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	-	1.802.120.758	-	-	-	-	-
	Phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh	-	-	-	-	-	-	1.802.120.758	-	-	-	-	-
2	Các khoản phải thu	10.857.666.109	10.857.666.109	-	-	10.857.666.109	-	7.135.130.555	-	-	-	-	-
	Khoản dự thu lãi repo - hợp đồng Cotec	3.944.819.444	3.944.819.444	-	-	3.944.819.444	-	3.944.819.444	-	-	-	-	-
	Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn có định	6.912.846.665	6.912.846.665	-	-	6.912.846.665	-	3.190.311.111	-	-	-	-	-
V	AFS	65.126.530.000	74.980.000.000	9.853.470.000	-	74.980.000.000	-	66.446.530.000	-	-	-	-	-
I	Ngắn hạn	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	-	32.500.000.000	-	-	-	-	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	-	52.500.000.000	-	-	-	-	-
	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng - Cotec	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	-	32.500.000.000	-	-	-	-	-
2	Dài hạn	32.626.530.000	42.480.000.000	9.853.470.000	-	42.480.000.000	-	33.946.530.000	-	-	-	-	-
	Cổ phiếu niêm yết	29.746.530.000	39.600.000.000	9.853.470.000	-	39.600.000.000	-	31.066.530.000	-	-	-	-	-
	Công ty CP thiết bị Điện điện - POT	29.746.530.000	39.600.000.000	9.853.470.000	-	39.600.000.000	-	31.066.530.000	-	-	-	-	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	-	2.880.000.000	-	-	-	-	-
	Công ty CP Công nghiệp Cao su Coovco	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	2.880.000.000	-	2.880.000.000	-	-	-	-	-
	Cộng	206.828.304.419	219.206.828.109	12.378.523.690	-	219.206.828.109	-	178.333.781.313	-	-	-	-	-
								188.847.251.313	-	-	-	-	-
								10.513.470.000	-	-	-	-	-

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tắt Tó, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3911 5797

Fax: (028) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán  
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**7. TÌNH HÌNH LẬP DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

STT	Loại TSTC	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này		Giá trị lập dự phòng điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc (hoàn nhập) kỳ này
			Giá số sách kế toán	VND			
A	B	1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>TSTC FVTPL</b>	998.490	11.254.108.310	13.779.162.000	-	-	-
	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	998.490	11.254.108.310	13.779.162.000	-	-	-
<b>II</b>	<b>TSTC HTM</b>	-	119.590.000.000	119.590.000.000	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn	-	119.590.000.000	119.590.000.000	-	-	-
<b>III</b>	<b>Các khoản cho vay và phải thu</b>	-	10.857.666.109	6.912.846.665	3.944.819.444	3.944.819.444	-
1	Phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh	-	-	-	-	-	-
2	Khoản dự thu lãi repo – hợp đồng Cotec	-	3.944.819.444	-	3.944.819.444	3.944.819.444	-
3	Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn có định	-	6.912.846.665	6.912.846.665	-	-	-
<b>IV</b>	<b>TSTC AFS</b>	5.488.010	65.126.530.000	74.980.000.000	-	-	-
1	<b>Ngắn hạn</b>	3.000.010	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-
	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (*)	3.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-
2	<b>Dài hạn</b>	2.488.000	32.626.530.000	42.480.000.000	-	-	-
	Cổ phiếu Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POT)	2.200.000	29.746.530.000	39.600.000.000	-	-	-
	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coeoco (*)	288.000	2.880.000.000	2.880.000.000	-	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>6.486.490</b>	<b>206.828.304.419</b>	<b>215.262.008.665</b>	<b>3.944.819.444</b>	<b>3.944.819.444</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty chưa đánh giá lại khoản đầu tư này do không thể xác định giá tham chiếu tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 một cách đáng tin cậy.

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**8. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY ĐÃ CUNG CẤP**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
<b>Phải thu hoạt động tư vấn tài chính</b>		
Công ty Cổ phần Phương Gia Phú (*)	92.225.000	92.225.000
Công ty Cổ phần Him Lam BC	-	300.000.000
Công ty Cổ Phần Tân Hoàng Thăng (*)	315.000.000	315.000.000
Phải thu khách hàng khác	7.111.280	-
<b>Cộng</b>	<b>414.336.280</b>	<b>707.225.000</b>

(\*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 10.

**9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Các khoản phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư chứng khoán TBX (*)	6.773.671.401	6.833.671.401
Công ty Cổ phần Nông lâm Hải sản Phương Nam	10.000.000	10.000.000
Phải thu khác	1.968.725	9.613.625
<b>Cộng</b>	<b>6.785.640.126</b>	<b>6.853.285.026</b>

(\*) Đã lập dự phòng 4.447.671.401 đồng, xem thuyết minh số 10.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngõ Tắt Tó, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3911 5797

Fax: (028) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán  
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**10. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi		Số trích lập trong kỳ		Số hoàn nhập trong kỳ		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Các khoản phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	407.225.000	-	-	-	-	-	407.225.000	-	407.225.000	407.225.000
	Công ty Cổ phần Phương Gia Phú (thuyết minh số 8)	92.225.000	-	-	-	-	-	92.225.000	-	92.225.000	92.225.000
	Công ty Cổ phần Tân Hoàng Thăng (thuyết minh số 8)	315.000.000	-	-	-	-	-	315.000.000	-	315.000.000	315.000.000
2	Các khoản phải thu	10.718.490.845	-	-	-	-	292.600.000	8.392.490.845	-	8.392.490.845	8.685.090.845
	Các khoản phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư chứng khoán TBX (thuyết minh số 9)	6.773.671.401	-	-	-	-	292.600.000	4.447.671.401	-	4.447.671.401	4.740.271.401
	Dự thu lãi Repo cổ phiếu Cotec (thuyết minh số 5b)	3.944.819.444	-	-	-	-	-	3.944.819.444	-	3.944.819.444	3.944.819.444
3	Tạm ứng	1.987.476.676	-	-	-	-	-	1.987.476.676	-	1.987.476.676	1.987.476.676
	Huyền Ngọc Huy (thuyết minh số 11)	1.987.476.676	-	-	-	-	-	1.987.476.676	-	1.987.476.676	1.987.476.676
<b>Cộng</b>		<b>13.113.192.521</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>292.600.000</b>	<b>10.787.192.521</b>	<b>-</b>	<b>11.079.792.521</b>	<b>11.079.792.521</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**11. TẠM ỨNG**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Huỳnh Ngọc Huy (*)	1.987.476.676	1.987.476.676
<b>Cộng</b>	<b>1.987.476.676</b>	<b>1.987.476.676</b>

(\*) Đã lập dự phòng 100%, xem thuyết minh số 10.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê VP Hà Nội	118.562.967	118.562.967
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.646.502	4.932.723
Chi phí Quản lý thành viên	9.999.998	-
Chi phí trả trước, chờ phân bổ khác	15.984.091	37.695.021
<b>Cộng</b>	<b>148.193.558</b>	<b>161.190.711</b>
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa văn phòng	34.564.750	295.537.485
Chi phí chờ phân bổ khác	11.766.633	17.756.167
<b>Cộng</b>	<b>46.331.383</b>	<b>313.293.652</b>

**13. CẢM CÓ, THẺ CHẬP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN, DÀI HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
<b>Ký quỹ ngắn hạn</b>		
Ký quỹ thẻ taxi	15.000.000	15.000.000
Ký quỹ thuê máy photocopy	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ khác	200.000	200.000
<b>Cộng</b>	<b>18.200.000</b>	<b>18.200.000</b>
<b>Ký quỹ dài hạn</b>		
Đặt cọc thuê văn phòng Hà Nội	16.553.790	16.553.790
<b>Cộng</b>	<b>16.553.790</b>	<b>16.553.790</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị đánh giá lại	Giá trị ghi sổ	Giá trị đánh giá lại
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco (a)	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000	2.880.000.000
Cổ phiếu POT – Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (b)	29.746.530.000	39.600.000.000	31.066.530.000	41.580.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.626.530.000</b>	<b>42.480.000.000</b>	<b>33.946.530.000</b>	<b>44.460.000.000</b>

(a) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco (“Coecco”) chiếm 1,8% vốn điều lệ của Coecco.

(b) Khoản đầu tư 2.200.000 cổ phiếu POT chiếm 11,32% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện (POT), Công ty đã rút lưu ký số lượng cổ phiếu này tại trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD).

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	1.435.417.000	978.350.000	3.775.493.090	6.189.260.090
Số cuối kỳ	1.435.417.000	978.350.000	3.775.493.090	6.189.260.090
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu kỳ	1.435.417.000	525.969.590	3.775.493.090	5.736.879.680
Khấu hao trong kỳ	-	93.629.931	-	93.629.931
Số cuối kỳ	1.435.417.000	619.599.521	3.775.493.090	5.830.509.611
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	-	452.380.410	-	452.380.410
Số cuối kỳ	-	358.750.479	-	358.750.479
<i>Trong đó:</i>				
Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	1.435.417.000	-	3.775.493.090	5.210.910.090

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
Số cuối kỳ	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu kỳ	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-
Trong đó:			
Hết khấu hao đang sử dụng (NG)	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564

**17. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	298.643.023	298.643.023
Tiền lãi phân bổ trong năm	130.311.569	130.295.069
<b>Cộng</b>	<b>428.954.592</b>	<b>428.938.092</b>

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty CP Đầu tư Thương mại Nhật Tiến	1.358.500.000	1.138.500.000
Công ty TNHH Xây dựng Nghia trang Long Đức	-	1.155.000.000
Khách hàng khác	401.641.336	401.641.336
<b>Cộng</b>	<b>1.760.141.336</b>	<b>2.695.141.336</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.159.343.364	-
Thuế thu nhập cá nhân	480.977.391	396.207.876
<b>Cộng</b>	<b>1.640.320.755</b>	<b>396.207.876</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Chi phí hoạt động	111.239.076	130.148.931
Chi phí hoa hồng môi giới	53.500.000	53.500.000
<b>Cộng</b>	<b>164.739.076</b>	<b>183.648.931</b>

**21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Phí quản lý sổ cổ đông	508.333.342	1.524.583.336
<b>Cộng</b>	<b>508.333.342</b>	<b>1.524.583.336</b>

**22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Phải trả liên quan đến vụ kiện Ông Hoàng Xuân Quyến	2.336.000.000	2.336.000.000
Phải trả khác	1.805.872.926	913.910.911
<b>Cộng</b>	<b>4.141.872.926</b>	<b>3.249.910.911</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

<i>Cổ đông</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Công ty Cổ phần Him Lam	89,50%	223.750.000.000	89,50%	223.750.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	5,50%	13.750.000.000	5,50%	13.750.000.000
Ông Phan Hữu Tuấn	5,00%	12.500.000.000	5,00%	12.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>250.000.000.000</b>

**24. CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	25.000.000	25.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>25.000.000</i>	<i>25.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>25.000.000</i>	<i>25.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH TỰ DO GIAO DỊCH CHUYỂN NHƯỢNG**

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Cuối kỳ VND</i>	<i>Đầu kỳ VND</i>
Cổ phiếu STB	9.984.900.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.984.900.000</b>	<b>-</b>

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY**

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group)	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POT)	22.000.000.000	-
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coecco	2.880.000.000	2.880.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.880.000.000</b>	<b>32.880.000.000</b>

Giá trị tài sản tài chính được phản ánh theo mệnh giá.

**27. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối kỳ</i> <i>VND</i>	<i>Đầu kỳ</i> <i>VND</i>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	564.139.453	562.782.437
Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán (xem thuyết minh 35b)	16.080.794.250	16.382.650.940
<b>Cộng</b>	<b>16.644.933.703</b>	<b>16.945.433.377</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Lầu 2, toà nhà Him Lam, số 234 Ngõ 1át Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh,  
Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3911 5797

Fax: (028) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán  
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**28. LÃI BÁN TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng	Giá bán		Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
			VND	2		VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3=(1*2)	4	5=(3-4)	6				
I	Lãi bán										
1	Cổ phiếu niêm yết	4.468.220	12.838	57.364.282.000	49.629.461.690	7.734.820.310	-				
	STB	4.468.220	12.838	57.364.282.000	49.629.461.690	7.734.820.310	-				
	<b>Cộng</b>	<b>4.468.220</b>	<b>12.838</b>	<b>57.364.282.000</b>	<b>49.629.461.690</b>	<b>7.734.820.310</b>	<b>-</b>				

**29. LÃI TỪ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)**

Là khoản lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn.

**30. LÃI TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH SẢN SÀNG ĐỀ BÁN (AFS)**

Là khoản cổ tức cổ phiếu POT nắm giữ trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**31. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Doanh thu hoạt động quản lý số cổ đông	1.381.852.466	565.040.894
Thu nhập khác	13.740.000	4.888.000
<b>Cộng</b>	<b>1.395.592.466</b>	<b>569.928.894</b>

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản phúc lợi)	1.077.826.591	1.272.016.888
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHIN	79.912.000	87.440.000
Chi phí văn phòng phẩm	22.005.971	7.640.410
Chi phí công cụ, dụng cụ	269.257.850	27.458.854
Chi phí khấu hao TSCĐ	83.774.150	82.665.806
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.741.000	4.000.000
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(292.600.000)	24.431.083.876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.295.485	912.454.776
Chi phí khác	187.206.059	102.454.961
<b>Cộng</b>	<b>2.243.419.106</b>	<b>26.927.215.571</b>

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

**a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế</b>	<b>17.827.117.997</b>	<b>(20.223.429.951)</b>
<i>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</i>		
Các khoản tăng khác	3.190.311.111	-
<i>Lãi dự thu</i>	<i>3.190.311.111</i>	-
Các khoản giảm khác	(6.912.846.665)	-
<i>Lãi dự thu</i>	<i>(6.912.846.665)</i>	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh chưa trừ chuyển lỗ và trước thuế</b>	<b>14.104.582.443</b>	<b>(20.223.429.951)</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(8.307.865.623)	
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ này</b>	<b>5.796.716.820</b>	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN ước tính kỳ này	1.159.343.364	-
<b>Chi phí thuế TNDN kỳ này</b>	<b>1.159.343.364</b>	-

**b. Tình hình quyết toán thuế TNDN**

Công ty đã được quyết toán thuế đến năm 2012.

**c. Chuyển lỗ**

Theo luật thuế hiện hành, các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau trong vòng 5 năm kể từ khi phát sinh để bù trừ với lợi nhuận thu được.

<i>Năm phát sinh - năm hết hạn</i>	<i>Số lỗ phát sinh</i> <i>VND</i>	<i>Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước</i> <i>VND</i>	<i>Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này</i> <i>VND</i>	<i>Lỗ còn được chuyển</i> <i>VND</i>
2012 - 2017	8.307.865.623	-	8.307.865.623	-
<b>Cộng</b>	<b>8.307.865.623</b>	-	<b>8.307.865.623</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Kỳ này</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ trước</i> <i>VND</i>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)</b>	<b>16.667.774.633</b>	<b>(20.223.429.951)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
<b>Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)</b>	<b>16.667.774.633</b>	<b>(20.223.429.951)</b>
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (4)	25.000.000	12.500.000
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)</b>	<b>667</b>	<b>(1.618)</b>

**35. PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC KILÁCH HÀNG**

**a. Tiền thu/chi của tổ chức phát hành chứng khoán**

Công ty đang cung cấp dịch vụ quản lý sổ cổ đông và thực hiện quyền cổ đông cho tổ chức phát hành.

Tiền thu của tổ chức phát hành là tiền cổ tức của tổ chức phát hành trả cho nhà đầu tư.

Tiền chi trả của tổ chức phát hành là khoản cổ tức đã thanh toán cho nhà đầu tư.

**b. Tiền gửi của tổ chức phát hành**

Tiền gửi của tổ chức phát hành là số dư khoản tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành cho nhà đầu tư mà chưa thanh toán cho nhà đầu tư do nhà đầu tư đang bị phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của tổ chức phát hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Lầu 2, toà nhà Ilim Lam, số 234 Ngõ Tắt Tố, Phường 22, Quận Bình Thạnh,  
Tp.HCM

Điện thoại: (028) 3911 5797

Fax: (028) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán  
từ ngày 01 tháng 01 năm 2017  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Giá trị ghi sổ		Số đầu kỳ		Giá trị hợp lý	
	Giá trị VND	VND	Dự phòng VND	VND	Giá trị VND	VND	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Tài sản tài chính</b>								
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.775.100.072	-	-	66.425.356.753	-	-	54.775.100.072	66.425.356.753
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11.254.108.310	-	-	-	-	-	13.779.162.000	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	119.590.000.000	-	-	102.950.000.000	-	-	119.590.000.000	102.950.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	10.857.666.109	3.944.819.444	3.944.819.444	8.937.251.313	3.944.819.444	3.944.819.444	6.912.846.665	4.992.431.869
Trả trước cho người bán	35.750.000	-	-	30.250.000	-	-	35.750.000	30.250.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	414.336.280	407.225.000	407.225.000	707.225.000	407.225.000	407.225.000	7.111.280	300.000.000
Phải thu khác	6.785.640.126	4.447.671.401	4.447.671.401	6.853.285.026	4.740.271.401	4.740.271.401	2.337.968.725	2.113.013.625
Đầu tư dài hạn khác	32.626.330.000	-	-	33.946.530.000	-	-	42.480.000.000	44.460.000.000
<b>Cộng</b>	<b>268.839.130.897</b>	<b>8.799.715.845</b>	<b>8.799.715.845</b>	<b>252.349.898.092</b>	<b>9.092.315.845</b>	<b>272.417.938.742</b>	<b>253.771.052.247</b>	
<b>Nợ tài chính</b>								
Phải trả người bán ngắn hạn	1.531.936	-	-	5.627.670	-	-	1.531.936	5.627.670
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.760.141.336	-	-	2.695.141.336	-	-	1.760.141.336	2.695.141.336
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.640.320.755	-	-	396.207.876	-	-	1.640.320.755	396.207.876
Chi phí phải trả ngắn hạn	164.739.076	-	-	183.648.931	-	-	164.739.076	183.648.931
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	508.333.342	-	-	1.524.583.336	-	-	508.333.342	1.524.583.336
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	4.141.872.926	-	-	3.249.910.911	-	-	4.141.872.926	3.249.910.911
<b>Cộng</b>	<b>8.216.939.371</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.055.120.060</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.216.939.371</b>	<b>8.055.120.060</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

**37. QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH**

**a. Rủi ro thị trường**

Rủi ro tiền tệ: Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất: Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán. Công ty không chịu rủi ro lãi suất trên các khoản vay do không có phát sinh các khoản vay.

Rủi ro về giá: Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**b. Rủi ro tín dụng**

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên báo cáo tình hình tài chính. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, các khoản phải thu khác.

**c. Rủi ro thanh khoản**

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**37. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

<i>Nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	
<b>Đầu kỳ</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn	5.627.670	-	-	5.627.670
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.695.141.336	-	-	2.695.141.336
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	396.207.876	-	-	396.207.876
Phải trả người lao động	556.595.451	-	-	556.595.451
Chi phí phải trả ngắn hạn	183.648.931	-	-	183.648.931
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.524.583.336	-	-	1.524.583.336
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.249.910.911	-	-	3.249.910.911
<b>Cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn	1.531.936	-	-	1.531.936
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.760.141.336	-	-	1.760.141.336
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.640.320.755	-	-	1.640.320.755
Phải trả người lao động	14.030.262	-	-	14.030.262
Chi phí phải trả ngắn hạn	164.739.076	-	-	164.739.076
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	508.333.342	-	-	508.333.342
Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	4.141.872.926	-	-	4.141.872.926

**d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá**

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i>	<i>Giảm giá</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn	10.857.666.109	3.944.819.444	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	414.336.280	407.225.000	-
Phải thu khác	6.785.640.126	4.447.671.401	-
Tạm ứng	1.987.476.676	1.987.476.676	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**38. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm**

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Giá trị VND</i>
Công ty Cổ phần Him Lam	Cổ đông	Mua dịch vụ	383.480.600
		Thanh toán tiền dịch vụ	383.480.600
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Cổ đông	Gửi tiền có kỳ hạn	175.530.000.000
		Tải toán tiền gửi có kỳ hạn	164.740.000.000
		Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.907.738.573
		Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	769.141.907
		Phí quản lý cổ đông	1.000.000.000

**b. Giao dịch với thành viên ban lãnh đạo chủ chốt**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ này VND</i>	<i>Kỳ trước VND</i>
Các lợi ích ngắn hạn cho nhân viên (gồm lương, phụ cấp, thuế thu nhập các nhân trả hộ, lợi ích bằng hiện vật, bảo hiểm xã hội và y tế) và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	811.933.334	425.840.000

**c. Số dư công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan**

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số dư công nợ</i>	<i>Phải thu/(phải trả) VND</i>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Cổ đông	Tiền gửi có kỳ hạn	165.290.000.000
		Lãi dự thu	4.138.596.666

**39. THÔNG TIN SO SÁNH**

**a. Số liệu so sánh**

Thông tin so sánh là các thông tin trên các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – Chi nhánh Hồ Chí Minh (CPA HANOI).

**b. Những thay đổi do trình bày lại**

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Công ty đã trình bày lại dữ liệu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 để phù hợp với cách trình bày số liệu báo cáo tài chính kỳ này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**39. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)**

Các dòng lưu chuyển tiền của Công ty được phân loại lại.

Khoản mục	Diễn giải	Kỳ trước	Kỳ trước	Chênh lệch
		trình bày lại	VND	
VND				
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền chi trả cho người lao động (*)	[1]	(2.215.589.892)	-	2.215.589.892
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	[1]	(2.009.764.686)	(4.225.354.578)	(2.215.589.892)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(4.225.354.578)</b>	<b>(4.225.354.578)</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>				
Tiền (*)	[1]	1.249.338.795	-	(1.249.338.795)
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ (**)	[1]	-	1.243.110.439	1.243.110.439
<b>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK (**)</b>	[1]	<b>-</b>	<b>1.243.110.439</b>	<b>1.243.110.439</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>				
Tiền (*)	[1]	107.447.750.439	-	(107.447.750.439)
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ (**)	[1]	-	107.445.151.195	107.445.151.195
<b>Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK (**)</b>	[1]	<b>-</b>	<b>107.445.151.195</b>	<b>107.445.151.195</b>
<b>PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG</b>				
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán (*)	[1]	288.798.315.404	-	(288.798.315.404)
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán (*)	[1]	(274.768.983.603)	-	274.768.983.603
Thu tiền từ tài khoản vãng lai của KH	[1]	-	288.798.315.404	288.798.315.404
Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng	[1]	-	(274.768.983.603)	(274.768.983.603)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**39. THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)**

Khoản mục	Diễn giải	Kỳ trước	Kỳ trước	Chênh lệch
		trình bày lại VND	VND	VND
<b>PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG</b>				
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>				
	<b>30</b>	<b>3.064.336.500</b>	<b>3.064.336.500</b>	<b>-</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	[1]	560.414.765	-	(560.414.765)
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	[1]	560.414.765	-	(560.414.765)
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành (*)	[1]	2.503.921.735	-	(2.503.921.735)
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	[1]	-	3.064.336.500	3.064.336.500
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	[1]	-	3.064.336.500	3.064.336.500
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>				
		<b>16.905.310.490</b>	<b>16.905.310.490</b>	<b>-</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	[1]	522.659.550	-	(522.659.550)
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	[1]	522.659.550	-	(522.659.550)
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành (*)	[1]	16.382.650.940	-	(16.382.650.940)
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	[1]	-	16.905.310.490	16.905.310.490
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	[1]	-	16.905.310.490	16.905.310.490

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo Thông tư 334

(\*\*) Các chỉ tiêu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không còn được trình bày theo Thông tư 334

[1] Phân loại lại các dòng tiền theo quy định của Thông tư 334



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**40. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 01/06/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội đã có thông báo số 853 về việc “Khởi tố và tạm giam bị can” đối với ông Hoàng Xuân Quyền – Nguyên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt về hành vi “trụ ý ký 2 hợp đồng huy động vốn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 3 hợp đồng hợp tác đầu tư (repo) cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group) không đúng thẩm quyền, làm trái quy định và điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt gây thiệt hại đặc biệt lớn đến tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt”.

Cụ thể, ông Hoàng Xuân Quyền đã ký 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh cổ phần số HTKD2501-01/LVS-KH (ngày 25/01/2011), HTKD1502-01/LVS-KH (ngày 15/02/2011), HTKD1502-02/LVS-KH (ngày 15/02/2011) với lần lượt bà Trần Thị Huệ Chi, ông Nguyễn Đức Hoàn, ông Bùi Hoàng Giang để mua 3.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group). Tổng số tiền đầu tư là 32.500.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty và các ủy quyền liên quan, ông Hoàng Xuân Quyền chỉ được ký kết các hợp đồng này khi Hội đồng Quản trị thông qua. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng cho rằng trong điều khoản của hợp đồng có sự sửa chữa so với các loại hợp đồng cùng loại của Công ty, gây bất lợi cho Công ty.

Biên bản làm việc giữa Công ty và Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ thuộc công an thành phố Hà Nội ngày 15/05/2012 với nội dung như sau:

- Công ty yêu cầu ông Hoàng Xuân Quyền và các bên có liên quan (ông Trần Tự Thành, ông Đỗ Quang Minh, ông Nguyễn Đức Hoàn) do đã vi phạm thẩm quyền, dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng phải trả cho Công ty tổng số tiền 40.658.381.944 đồng, bao gồm 32.500.000.000 đồng tiền gốc và 8.158.381.944 đồng tiền lãi ước tính sử dụng vốn không hiệu quả (lãi ước tính chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính). Đến thời điểm này, các bên nêu trên đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả. Số tiền còn phải nộp là 38.822.381.944 đồng;
- Sau khi trả đủ tiền, Công ty sẽ trả lại 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group cho các bên nêu trên.

Tuy nhiên, do hợp đồng được ký kết vượt thẩm quyền nên có thể hợp đồng sẽ vô hiệu, khi đó việc xử lý các quyền và nghĩa vụ giữa các bên có thể sẽ thay đổi. Đến thời điểm lập báo cáo này, sự việc đã được cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị truy tố. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã có cáo trạng số 151/CT-VKS-PIB ngày 14 tháng 03 năm 2014 quyết định truy tố ông Hoàng Xuân Quyền ra trước Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ” (qui định tại khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự). Hiện Công ty vẫn đang ghi nhận đây là khoản đầu tư ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty và chưa ghi nhận các ảnh hưởng về tài chính liên quan đến khoản đầu tư này vào báo cáo tài chính. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, Công ty đã tiến hành bán đấu giá khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thiệt hại. Theo thông báo của Công ty Cổ phần bán đấu giá Nhân Văn, phiên bán đấu giá tài sản ngày 10 tháng 09 năm 2014 không thành công (phiên thứ 9). Và tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa phát sinh thêm phiên bán đấu giá kế tiếp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**40. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và đã ra Bản án số 69/2015/HSST cùng ngày với nội dung như sau: buộc ông Hoàng Xuân Quyền bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khắc phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty. Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyền.

Ngày 03 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án và đã ra bản án số 573/2016/HSPT với nội dung: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 69/2015/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, chưa có thông tin về việc giải quyết lại vụ án theo bản án của tòa phúc thẩm.

**41. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



**Bùi Thị Nga**  
Người lập biểu



**Trần Lan Hương**  
Kế toán trưởng



**Huỳnh Văn Phát**  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017